

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 19 - 6 - 2020  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi  
ly hôn giữa bà D và ông T.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quốc Tiết

Ông Đặng Văn Bé

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị D, sinh năm 1982.

Địa chỉ HKTT: khu phố P, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An.

Địa chỉ tạm trú: khu phố P, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Ông Hồ Quang T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An.

(Bà D có mặt, ông T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tổ chức đám cưới năm 2001, nhưng đến năm 2003 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An, hôn nhân do mai mối. Trong thời gian sống chung cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông T không chung thủy với bà, có người phụ nữ khác bên ngoài. Bà và ông T không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2018. Bà

thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Bà và ông T có hai người con chung tên:

- Hồ Trần Quang H, sinh ngày 31/10/2003.

- Hồ Trần Hoàng H, sinh ngày 03/12/2009.

Hiện nay hai con chung đang ở với bà và nguyện vọng của hai con cũng muốn sống với bà. Nếu được ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Ông Hồ Quang T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hồ Quang T. Ông T cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Hồ Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tầm Vu, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào ngày 26/02 /2003 nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Thấy rằng, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông T không chăm lo cho gia đình, có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà D yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[4] Về nuôi con chung: Bà D và ông T có hai người con chung tên Hồ Trần Quang H, sinh ngày 31/10/2003 và Hồ Trần Hoàng H, sinh ngày 03/12/2009.

Hội đồng xét xử thấy rằng hai cháu Quang H và Hoàng H đang sống ổn định với bà D và nguyện vọng cũng muốn sống với mẹ, để không ảnh hưởng đến cuộc sống của hai con chung và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của hai con chung nên để bà D trực tiếp nuôi hai con chung là phù hợp, bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị D và ông Hồ Quang T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Hồ Trần Quang H, sinh ngày 31/10/2003 và Hồ Trần Hoàng H, sinh ngày 03/12/2009 cho bà Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Hồ Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trần Thị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000218 ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- UBND thị trấn tầm Vu, huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Bé**

**Lê Quốc Tiết**

**Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**



